

Số: 09/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 412/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L (L1)

Trụ sở: Số L, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Chức vụ: Tổng Giám

đốc

Người đại diện theo uỷ quyền:

Anh Nguyễn Công K1, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Châu Thành

Anh Nguyễn Trung Hiếu, anh Huỳnh Hữu P – Chuyên viên

Cùng địa chỉ: 2, đường N, phường C, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đỗ Minh M, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp.)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Đỗ Minh M đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP L (Tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP B) số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 833.999.238đồng (*T trăm ba mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm ba mươi tám đồng*) trong đó vốn gốc là 682.243.000đồng, lãi trong hạn 138.257.898đồng; lãi quá hạn gốc 4.459.995đồng; lãi phạt 9.038.345đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/01/2026, anh Nguyễn Đỗ Minh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD54C202374 ngày 05/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP L mà anh Nguyễn Đỗ Minh M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp (là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do anh Nguyễn Đỗ Minh M đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở) theo hợp đồng thế chấp số HDTC54C202374A ngày 13/6/2023 để thu hồi nợ. Anh Nguyễn Đỗ Minh M, bà Đỗ Thị H đồng ý tự nguyện di dời, giao tài sản thế chấp để Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Đỗ Minh M trả nợ xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án, Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HDTC54C202374A ngày 13/6/2023 cho anh M. (*hiện Ngân hàng đang giữ*)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự thỏa thuận:

- Anh Nguyễn Đỗ Minh M tự nguyện nộp 18.510.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.118.000đồng theo biên lai số 0008808 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Đỗ Minh M tự nguyện nộp. Do Ngân

hàng đã nộp và chi xong nên anh M có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền là 200.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh T1

